



TÀI LIỆU HỘI THẢO

**KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀ TÁC ĐỘNG
CỦA THUẾ TÀI SẢN Ở VIỆT NAM**

Hà Nội, 12/12/2018





CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TÀI SẢN Ở VIỆT NAM

Thời gian: 09:00 - 12:00, Thứ Tư, ngày 12/12/2018.

Địa điểm: Khách sạn Công đoàn, 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thời gian	Chương trình
08:30 - 09:00	Đăng ký đại biểu
09:00 - 09:05	Giới thiệu khách mời và chương trình
09:05 - 09:10	Phát biểu khai mạc tọa đàm <i>PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i>
09:10 - 10:15	Trình bày kết quả nghiên cứu <i>- Ông Đinh Tuấn Minh, Vietanalytics</i> <i>- PGS.TS. Vũ Sỹ Cường, Học viện Tài chính</i> <i>- TS. Nguyễn Việt Cường, Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong</i> <i>- PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i>
10:15 - 10:30	Tiệc trà
10:30 - 11:00	Bình luận của các chuyên gia phản biện: <i>- PGS.TS. Hoàng Văn Cường, Đại biểu Quốc hội, Ủy ban Tài chính – Ngân sách Quốc hội</i> <i>- PGS.TS. Vương Thị Thu Hiền, Học viện Tài chính</i> <i>- PGS.TS. Phạm Thế Anh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>
11:00 - 11:55	Thảo luận mở với các đại biểu tham dự
11:55 - 12:00	Phát biểu bế mạc tọa đàm <i>PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i>
12:00 - 13:30	Ăn trưa tại khách sạn

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TÀI SẢN Ở VIỆT NAM

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Hà Nội, ngày 12/12/2018

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Nội dung


- Các triết lý về Thuế Tài sản
- Kinh nghiệm quốc tế về luật thuế tài sản và thực tiễn tại Việt Nam
- Dự báo ảnh hưởng của Luật thuế tài sản lên phúc lợi hộ gia đình
- Những nhận xét kết luận và thảo luận chính sách



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Các triết lý về thuế tài sản

Đình Tuấn Minh
Viet Analytics



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Nội dung chính

1. Khái niệm thuế tài sản
 - 1.1. Khái niệm chung về thuế tài sản
 - 1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản
2. Các triết lý về thuế tài sản
 - 2.1. Chủ nghĩa Can thiệp
 - 2.1.1. Học thuyết Georgian
 - 2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội
 - 2.2.3. Thuế địa phương
 - 2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân
 - 2.2.1. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện quyền
 - 2.2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện hiệu quả kinh tế
 - 2.2.3. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện công bằng
3. Kết luận



1. Khái niệm thuế tài sản

1.1. Khái niệm chung

- Tài sản được hiểu theo nghĩa rộng nhất bao gồm tài sản hữu hình (gồm động sản và bất động sản) và phi hữu hình (cổ phiếu, trái phiếu, tài khoản ngân hàng)
- Hiểu theo nghĩa rộng nhất, thuế tài sản hay thuế liên quan đến tài sản (property related tax) là loại thuế mà nhà nước (chính quyền trung ương hoặc địa phương) đánh vào các loại tài sản mà người dân sở hữu hoặc nắm giữ quyền sử dụng. VD: thuế của cải ròng (net wealth tax), thuế VAT, thuế trên thặng dư vốn (capital gains tax)
- Theo nghĩa hẹp, thuế tài sản chỉ bao gồm các loại thuế đánh định kỳ (recurrent) lên tài sản bao gồm các sắc thuế áp dụng định kỳ với đất đai, công trình trên đất, động sản và các loại thuế liên quan tới tài sản hữu hình (chuyển nhượng, quà tặng, thừa kế)



Các loại thuế chính liên quan đến tài sản

Tài sản	Các loại thuế đánh định kỳ				Các loại thuế đánh tại thời điểm chuyển nhượng		
	Thuế đất đai	Thuế bất động sản	Thuế tài sản	Thuế của cải ròng	Thuế chuyển nhượng, trao tặng, thừa kế	Thuế VAT	Thuế thặng dư vốn
Đất đai	X	X	X	X	X	X	X
Tòa nhà		X	X	X	X	X	X
Động sản			X	X	X	X	X
Các loại tài sản phi hữu hình				X	X	X	X

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ Almy (2011)



1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản

Người nộp thuế

- Luật đưa ra hướng dẫn rõ ràng trong việc xác định ai là người nộp thuế và nghĩa vụ thuế
- Người nộp thuế có thể là: (1) chủ sở hữu tài sản, (2) người chiếm hữu hoặc sử dụng tài sản, (3) bản thân tài sản, bất kể ai là người sở hữu hay sử dụng tài sản đó, và (4) kết hợp của các đối tượng trên.
- Khi quyền sở hữu được công nhận một cách rộng rãi, thuế tài sản thường được áp dụng với chủ sở hữu tài sản → giảm số lượng người phải nộp thuế → giảm chi phí quản lý thu thuế
- Khi quyền sở hữu chưa được công nhận, người sử dụng tài sản sẽ là người nộp thuế.
- Một vài quốc gia phân biệt giữa người nộp thuế là cá nhân hoặc pháp nhân (như doanh nghiệp, tổ chức)




1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản (tiếp)

Đối tượng đánh thuế (Taxable objects)

- (1) Bất động sản: Bất động sản bao gồm đất đai, các tòa nhà và các công trình xây dựng, hoặc "cải tiến" cho đất (ví dụ như giải phóng mặt bằng và phân loại đất);
- (2) Động sản: Là tất cả các tài sản còn lại không phải là bất động sản. Động sản có thể được chia thành động sản hữu hình/vật chất và động sản phi hữu hình/ phi vật chất.
- Một số loại tài sản khó phân loại là động sản hay bất động sản:
 - "Vật cố định", quyền đối với tài sản đi kèm, và một vài loại máy móc công nghiệp.
- Các loại tài sản công thường không nằm trong đối tượng đánh thuế.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản (tiếp)

Cơ sở thuế

- Có hai phương thức chính để xác định cơ sở thuế:
 - Dựa trên giá trị của tài sản:
 - Có thể bao gồm: giá thị trường, giá thị trường hạn chế, hoặc giá danh nghĩa. Giá trị có thể là giá tài sản hoặc giá cho thuê hàng năm.
 - Ưu điểm: Phản ánh giá trị tài sản.
 - Nhược điểm: Chi phí quản lý thu thuế cao, dễ gây tranh cãi.
 - Không dựa trên giá trị tài sản:
 - Dựa trên đo lường diện tích đất, tòa nhà, hoặc kết hợp cả hai. Một vài phương thức khác như thể tích hoặc số cửa sổ của tòa nhà cũng có thể và đã từng được lựa chọn làm cơ sở thuế.
 - Ưu điểm: việc quản lý thu thuế được đơn giản hóa đi đáng kể, ít gây tranh cãi.
 - Nhược điểm: Không phản ánh được giá trị của tài sản.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản (tiếp)

Mức thuế suất và các đối tượng miễn trừ

- Theo nguyên tắc, việc miễn trừ thuế cần phải được giữ ở mức tối thiểu và không được sử dụng để phục vụ lợi ích của một số đối tượng đánh thuế hoặc người chịu thuế cụ thể.
- Các trường hợp thường được miễn giảm thuế:
 - Tài sản nhà nước
 - Các tổ chức phi chính phủ cung ứng hàng hóa công
 - Các tài sản của tổ chức từ thiện, giáo dục, hoặc tôn giáo
 - Miễn giảm thuế đối với tài sản cư trú với những người có thu nhập thấp
 - Người nghèo, thương binh, người có công, người khuyết tật...



1.2. Các đặc điểm của thuế tài sản (tiếp)

Hệ thống quản lý và thu thuế

- Cơ quan thu thuế trung ương thường chịu trách nhiệm trong việc quản trị thuế tài sản, trong khi đó cơ quan thu thuế địa phương thường chịu trách nhiệm chính đối với thuế địa phương.
- Việc quản trị thuế bao gồm việc xác định cơ sở thuế, người nộp thuế, mức thuế, miễn giảm thuế nếu có và tiến hành thu thuế.
- Đưa ra các quy trình thủ tục để xử lý các trường hợp trốn thuế, nộp thuế không đúng thời gian quy định và các lỗi do cán bộ thuế gây ra.




2. Các triết lý về thuế tài sản

2.1. Chủ nghĩa Can thiệp

2.1.1. Học thuyết Georgian

- Bối cảnh: Mỹ nửa sau thế kỷ 19: Gia tăng nhập cư, đô thị hóa, công nghiệp hóa → Giá đất tăng cao, đặc biệt ở khu đô thị. Suy thoái kinh tế Mỹ 1873 – 1879 → thất nghiệp tăng cao → George giải thích nguồn gốc hiện tượng các tiến bộ kinh tế thường gây ra nghèo đói cho tầng lớp thu nhập thấp dựa trên lý thuyết về địa tô.
- Lý thuyết địa tô
 - Địa tô là giá trị của đất không được tạo ra nhờ nỗ lực cải thiện đầu tư của người sở hữu (gia tăng dân số, đầu tư công) → địa tô thuộc sở hữu xã hội
 - Tư hữu đất dẫn tới địa tô không được phân phối bình đẳng
 - Địa tô có xu hướng luôn gia tăng


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.1.1. Học thuyết Georgian (tiếp)

- **Hàm ý chính sách thuế bất động sản:**
 - Ủng hộ chỉ đánh một loại thuế duy nhất là thuế địa tô
 - Thuế địa tô đạt được hiệu quả kinh tế do không làm giảm động lực sản xuất và tránh tình trạng đầu cơ đất
 - Đảm bảo được công bằng xã hội do tránh tình trạng bất bình đẳng thu nhập tạo ra do đất đai tập trung vào một nhóm nhỏ


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội

- **Bối cảnh:** Tình trạng bất bình đẳng thu nhập ngày càng gia tăng thúc đẩy sự hình thành các phong trào xã hội đấu tranh vì quyền lợi của tầng lớp yếu thế, dễ bị tổn thương nhằm thu hẹp khoảng cách giàu – nghèo → Thúc đẩy tái phân phối thu nhập → Hình thành các loại thuế có tính chất tái phân phối → Học thuyết công bằng về cơ hội đặt nền móng cơ sở lý luận.
- **Lý thuyết về công bằng John Rawls:**
 - Bức màn vô minh và vị thế ban đầu: Trạng thái tưởng tượng trong đó các cá nhân đưa ra quan điểm về một xã hội công bằng mà không biết trước mình sẽ sinh ra trong một xã hội như thế nào (“bức màn vô minh”) để không bị thiên vị bởi định kiến, văn hóa, tình trạng kinh tế → các quy tắc của một xã hội công bằng được hình thành


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội (tiếp)

- Hai nguyên lý của công bằng:
 - Nguyên lý Tự do tối đa: Mỗi cá nhân có đều có các quyền tự do tối đa như nhau và người này không được xâm phạm quyền tự do của người khác
 - Nguyên lý Bù trừ: Bất bình đẳng trong xã hội có thể được chấp nhận với hai điều kiện:
 - Công bằng về cơ hội được đảm bảo: các cá nhân cần phải được trao cơ hội tại thời điểm xuất phát như nhau để đạt được vị thế trong xã hội
 - Bất bình đẳng mang lại lợi ích lớn nhất cho những người có vị thế thấp nhất trong xã hội

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội (tiếp)

- Điều kiện 1 của Nguyên lý 2:
 - Xuất phát từ tiền đề các cá nhân đều được coi trọng như nhau.
 - Nếu tại thời điểm ban đầu, các cá nhân đều được trao các cơ hội như nhau thì kết quả của việc tận dụng các cơ hội này sẽ chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của cá nhân đó trong việc theo đuổi các mục tiêu của mình.
 - Không đồng nghĩa với chủ nghĩa bình quân về kết quả.
- Điều kiện 2 của Nguyên lý 2:
 - Một xã hội có sự bất bình đẳng trong thu nhập chưa hẳn là một điều xấu nếu đó là xã hội mà những người có vị thế thấp nhất được hưởng lợi ích nhiều nhất.
 - Các trạng thái phân bổ khác công bằng hơn sẽ gây thiệt hại về thu nhập tuyệt đối cho người nghèo.



2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội (tiếp)

- Hàm ý chính sách thuế tài sản:
 - Rawls ủng hộ “nền dân chủ về sở hữu tài sản” [property-owning democracy] → tránh tình trạng tập trung tài sản vào một nhóm nhỏ trong XH, tạo bất bình đẳng dai dẳng.
 - Không chỉ đảm bảo tự do mang tính hình thức → Ủng hộ đánh thuế cao với các tài sản thừa kế để đảm bảo các cá nhân có cơ hội như nhau.
 - Thuế có tính lũy tiến.



2.1.2. Học thuyết công bằng về cơ hội (tiếp)

- Qua tác phẩm *Capitalism in the 21st Century* [Chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XXI], Thomas Piketty khơi dậy sự trở lại của chủ nghĩa công bằng về cơ hội dưới góc độ hiệu quả kinh tế.
- Nguyên nhân bất bình đẳng:
 - Tốc độ gia tăng lợi tức nhanh hơn tốc độ tăng trưởng → nhà tư bản ngày càng tích lũy được nhiều tài sản hơn so với phần còn lại của thế giới.
 - Các tài sản tích lũy của nhà tư bản sẽ được truyền lại từ đời này sang đời khác → Tình trạng bất bình đẳng dai dẳng
 - Bất bình đẳng thu nhập cực đoan sẽ quay trở lại ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế
- Hàm ý chính sách: Ủng hộ đánh thuế của cải ròng toàn cầu



2.1.3. Thuế địa phương


- Bối cảnh:
 - Được áp dụng ở nhiều QG, gồm các nước OECD, các nước đang phát triển và trong quá trình chuyển đổi
 - Nguồn gốc và bối cảnh hình thành của thuế địa phương ở mỗi quốc gia có sự khác biệt nhất định. VD: Philippine: Thuế thân của TBN, Anh: Đạo Luật nghèo đói năm 1601.
 - Tuy nhiên các loại thuế địa phương đều có một mục tiêu chung là cung cấp tài chính cho chính quyền địa phương thông qua đánh thuế vào tài sản.
 - Cơ sở lý luận từ thuế ngoại ứng Pigou và sự phát triển của trường phái kinh tế học tân cổ điển biện giải cho tính hiệu quả của thuế địa phương.



2.1.3 Thuế địa phương (tiếp)

- Triết lý thuế địa phương
 - Gia tăng kiểm soát của người dân tới chính quyền địa phương → thuế tăng, giảm theo hiệu quả sử dụng ngân sách.
 - Tuy nhiên, khi áp dụng, thuế địa phương thu thuế của cả tài sản hộ gia đình và tài sản doanh nghiệp → tồn tại hai góc nhìn về tính hiệu quả
 - Biện giải cho tính hiệu quả của thuế địa phương Pigou, Tiebout, B. W. Hamilton (1975)
 - Dựa trên nguyên tắc cân bằng chi phí – lợi ích
 - Coi nhà nước như bên thứ 3 cung cấp dịch vụ công
 - 4 điều kiện để thuế địa phương đạt được mức cân bằng tối ưu: (1) cầu về hàng hóa công là tổng cầu của các cá nhân về hàng hóa công ở địa phương đó, (2) các địa phương khác nhau có thể cung cấp các loại hàng hóa công khác nhau với chất lượng khác nhau (3) người tiêu dùng được tự do di chuyển giữa các địa phương, và (4) các địa phương áp dụng chính sách quy hoạch vùng một cách khắt khe.
- Tạo ra thị trường cạnh tranh về cung ứng dịch vụ công


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.1.3 Thuế địa phương (tiếp)

- Giải thích tính phi hiệu quả của thuế địa phương Mirless và cộng sự (2012)
 - Áp dụng với tài sản là hàng hóa trung gian: Ảnh hưởng tới quyết định kết hợp đầu vào của doanh nghiệp → nguồn lực không được phân bổ hiệu quả
 - Áp dụng với tài sản là hàng hóa tiêu thụ cuối cùng: Tác động tương tự thuế tiêu thụ
- Hàm ý chính sách thuế địa phương:
 - Theo B. W. Hamilton (1975)
 - Thuế địa phương không làm méo mó thị trường tài sản cũng như thị trường hàng hóa công
 - Bất kỳ loại thuế tài sản nào ở cấp độ quốc gia đều không hiệu quả bằng thuế địa phương.
 - Theo Mirless và các cộng sự (2012)
 - Không nên áp dụng thuế địa phương với tài sản doanh nghiệp

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân

2.2.1. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện quyền

- Bối cảnh: Thần quyền, vương quyền thống trị → tài sản thuộc về nhà vua/ người đứng đầu giáo hội → Nhà vua có quyền nghiễm nhiên đánh thuế tài sản → lý thuyết về quyền Tự nhiên đã đặt dấu hỏi về một trong những quyền quan trọng nhất của nhà nước là quyền đánh thuế
- Lý thuyết về Quyền tự nhiên của John Locke
 - Các cá nhân đều được Tự nhiên trao cho những quyền như nhau
 - Sở hữu tài sản là phương tiện để con người đạt được hạnh phúc
 - Quyền tài sản được xác lập khi một người kết hợp lao động của mình với các nguồn lực trong tự nhiên → Quyền tài sản là một trong những quyền tự nhiên không thể xâm phạm

→ Thuế tài sản vi phạm quyền tài sản → Vi phạm vào quyền tự nhiên → Nhà nước không được trao quyền đương nhiên trong việc áp đặt thuế tài sản lên tài sản của người dân


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.1. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện quyền (tiếp)

- Nozick và Rothbard tiếp tục lý giải, làm rõ nội dung về nguyên tắc sở hữu tài sản của John Locke
- Nozick:
 - Công nhận quyền tư hữu khi cá nhân cải thiện, sử dụng tài nguyên trống trong khoảng thời gian dài và không có tranh chấp
 - Tư hữu đất không đồng nghĩa với cơ hội kinh tế giảm đi. Ngược lại người tư hữu cải thiện năng suất đất → giàu có hơn → tạo cầu → cơ hội kinh tế mở rộng hơn cho thế hệ sau
- Rothbard:
 - Cơ chế giá cả của thị trường thúc đẩy đất được sở hữu bởi người sử dụng đất hiệu quả
- Tranh cãi về quyền sở hữu tài sản của người chết của các nhà chủ nghĩa tự do cá nhân trên góc độ quyền


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.1. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện quyền (tiếp)

- Hàm ý chính sách thuế tài sản:
 - Nhà nước không có quyền đương nhiên trong việc tước đoạt tài sản có được một cách chính đáng của người dân.
 - Các cá nhân đều có quyền mưu cầu hạnh phúc như nhau → Phản đối việc sử dụng thuế tài sản như một công cụ tái phân phối thu nhập.
 - Không nên sử dụng thuế tài sản như một công cụ để can thiệp người sở hữu sử dụng tài nguyên “hiệu quả” → Có tác động ngược do gây méo mó tín hiệu giá của thị trường.
 - Cần coi các tài sản, bất kể đó là bất động sản, động sản hay tài sản phi hữu hình, giống như mọi hàng hóa khác → Là tiền đề các nhà kinh tế theo tư tưởng tự do cá nhân sau này ủng hộ nhà nước nên xây dựng hệ thống thuế dựa trên thuế tiêu thụ.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện hiệu quả kinh tế

- Bối cảnh: Trên góc độ kinh tế, các biện giải về vai trò của nhà nước và thuế khóa của chủ nghĩa tự do cá nhân được ra đời bởi học thuyết kinh tế học cổ điển sáng lập bởi Adam Smith, sau đó được tiếp nối bởi trường phái kinh tế học Áo, trong đó nổi bật là Ludwig von Mises và Friedrich von Hayek.
- Triết lý thuế của chủ nghĩa Tự do cá nhân trên góc độ hiệu quả kinh tế:
 - Nhà nước cần đánh thuế để duy trì cung ứng hàng hóa công → thuế cần được xem như giao dịch giữa người dân và nhà nước
 - Các sắc thuế phải đảm bảo tính hiệu quả kinh tế


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện hiệu quả kinh tế

- Các tiêu chí của một hệ thống thuế hiệu quả:
- Adam Smith (1776):
 - Mức thuế tỷ lệ với lợi ích mà người nộp thuế nhận được từ các hàng hóa, dịch vụ công; dễ tiên lượng; làm giảm động lực kinh tế ở mức tối thiểu; và dễ thu
- Mises (1949):
 - Tính trung tính của thuế: không phân biệt đối xử giữa các quyết định phân bổ nguồn lực của các cá nhân, tức không phân biệt đối xử giữa các ngành nghề, doanh nghiệp, cá nhân, hay giữa tiêu dùng hiện tại và tương lai
- Hayek (1979):
 - Luật thuế cần gắn liền lợi ích và chi phí của hàng hóa công với các cá nhân khi họ đưa ra quyết định về chi tiêu ngân sách
 - Nguyên tắc thuế cần phải được áp dụng một cách công bằng và bình đẳng với các cá nhân
- Bankman và Weisbach (2006): Thuế tiêu thụ đảm bảo được các tiêu chí trên


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.2. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện hiệu quả kinh tế

- Hàm ý chính sách thuế tài sản:
 - Thuế tài sản chỉ nên được áp dụng như thuế tiêu thụ áp dụng với hàng hóa tiêu thụ lâu bền
 - Thuế tài sản áp dụng với hàng hóa trung gian, tức tài sản của doanh nghiệp, bất kể là thuế bất động sản hay thuế địa phương, sẽ đều tạo ra méo mó trong phân bổ nguồn lực
- Hàm ý chính sách Thuế chuyển nhượng và thuế tài sản ròng
 - Các loại thuế đánh vào tiết kiệm và chuyển nhượng, thừa kế đề xuất bởi chủ nghĩa công bằng cơ hội cũng sẽ làm giảm động lực sản xuất của các cá nhân và do đó không đạt được hiệu quả kinh tế


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.3. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện công bằng

- Bối cảnh: Triết lý của chủ nghĩa tự do về công bằng ra đời trong bối cảnh mô hình nhà nước phúc lợi đang được khởi xướng ở nhiều quốc gia, có nguồn gốc chủ yếu từ lý thuyết về công bằng xã hội → Sự ra đời của lý thuyết về công bằng của chủ nghĩa tự do cá nhân đã thách thức những góc nhìn trước đó về khái niệm công bằng.
- Lý thuyết về công bằng của Robert Nozick:
 - Bắt đầu với một trạng thái phân bổ nguồn lực nhất định. Các trạng thái phân bổ nguồn lực tiếp theo được xem là công bằng nếu việc trao đổi là tự nguyện.
 - Trao đổi tự nguyện dẫn đến chuyên môn hóa và chênh lệch thu nhập → Một xã hội có chênh lệch về thu nhập lớn không nhất thiết thiếu công bằng
 - Tài sản có được thông qua trao đổi tự nguyện là chính đáng, cần được bảo vệ

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




2.2.3. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện công bằng (tiếp)

- Lý thuyết về công bằng của Hayek
 - Khái niệm công bằng chỉ có ý nghĩa đối với các cá nhân. Không có một tiêu chuẩn về công bằng có thể áp dụng với toàn xã hội.
 - Do đó, việc viện dẫn tới bất kỳ quy chuẩn nào được coi là “công bằng xã hội” để can thiệp vào các quyết định của cá nhân, trên thực tế sẽ dẫn tới tình trạng ép buộc cá nhân hành xử theo những phương thức mà cá nhân đó cho là không công bằng
 - Trong quá trình thị trường, các cá nhân có thể gặp nhiều cơ may khác nhau và có thể tận dụng các cơ hội đó để làm lợi cho mình. Điều đó giúp cá nhân đó giàu có hơn và cũng giúp người khác giàu có hơn.
 - Do đó, các biện pháp tái phân phối sẽ khiến các cá nhân giảm nỗ lực để tận dụng các cơ hội phát triển.

→ Thuế thừa kế, cho tặng và thuế tài sản ròng làm giảm động lực kinh tế.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



2.2.3. Chủ nghĩa Tự do cá nhân trên phương diện công bằng (tiếp)

- Hàm ý chính sách thuế tài sản:
 - Phản đối sử dụng thuế tài sản như một công cụ để tái phân phối thu nhập do đây là hình thức phân bổ nguồn lực không tự nguyện, có tính tước đoạt
 - Do tính chất phi tập trung của thị trường, thuế tài sản sẽ không đạt được mục tiêu về công bằng cơ hội do không có một cá nhân nào đủ tri thức và thẩm quyền để xác định những hoàn cảnh nào được xem là công bằng.
 - Ngược lại, thuế tài sản sẽ làm giảm động lực sản xuất của các cá nhân → kém hiệu quả về kinh tế



3. Kết luận (1)

- Hai dòng triết lý chính gồm Chủ nghĩa Can thiệp, chủ trương đánh thuế tài sản và Chủ nghĩa tự do cá nhân, chủ trương bãi bỏ các loại thuế tài sản.
- Chủ nghĩa Can thiệp
 - Chủ nghĩa Georgian:
 - Sử dụng thuế tài sản để triệt tiêu lợi tô của đất → cơ sở lý luận của thuế bất động sản
 - Chủ nghĩa công bằng về cơ hội:
 - Sử dụng thuế tài sản như một công cụ thể tái phân phối thu nhập → Cơ sở lý luận của thuế chuyển nhượng, thừa kế
 - Thuế địa phương
 - Sử dụng thuế tài sản để gia tăng tính minh bạch và trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời cân bằng giữa chi phí – lợi ích của đầu tư công



3. Kết luận (2)


- Chủ nghĩa Tự do cá nhân
 - Trên phương diện về quyền
 - Quyền tài sản là một quyền chính đáng cần được bảo vệ → Nhà nước không có quyền đương nhiên trong việc đánh thuế tài sản
 - Trên phương diện hiệu quả kinh tế
 - Thuế là giao dịch giữa người dân và nhà nước
 - Thuế tài sản áp dụng với tài sản là hàng hóa trung gian gây ra méo mó quyết định phân bổ nguồn lực → Phản đối thuế bất động sản (thuế địa tô) và thuế địa phương
 - Thuế chuyển nhượng, tiết kiệm, thừa kế làm giảm động lực lao động → Cần bãi bỏ do không hiệu quả về mặt kinh tế
 - Ủng hộ áp dụng thuế với tài sản giống như áp dụng với hàng hóa tiêu thụ cuối cùng, nhờ tính trung tính, dễ tiên lượng và dễ thu



3. Kết luận (3)

- Trên phương diện công bằng:
 - Nếu cá nhân có được tài sản thông qua các phương thức hoàn toàn chính đáng (lao động và trao đổi tự nguyện) thì lượng tài sản mỗi cá nhân có được được xem là công bằng → Phản đối sử dụng thuế tài sản để tái phân phối thu nhập
 - Quan điểm về công bằng chỉ có ý nghĩa đối với hành động của các cá nhân. Việc áp đặt các tiêu chuẩn được xem là “công bằng xã hội” sẽ dẫn tới việc ép buộc cá nhân hành xử không công bằng → Phản đối sử dụng thuế tài sản để đạt được các mục tiêu “công bằng xã hội”
 - Các nỗ lực tái phân phối thu nhập để đạt được công bằng xã hội sẽ tương đương với việc trừng phạt những cá nhân có khả năng tận dụng các cơ hội thị trường có bản chất phi tập trung và ngẫu nhiên để sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




Kinh nghiệm quốc tế về luật thuế tài sản và thực tiễn tại Việt Nam

PGS.TS. Vũ Sỹ Cường
Học viện Tài chính

ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp
Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Nội dung chính

- 1. Tổng quan về thuế tài sản trên thực tế
- 2. Thực tiễn thực thi thuế tài sản trên thế giới
 - 2.1. Người nộp thuế
 - 2.2. Đối tượng chịu thuế
 - 2.3. Cơ sở tính thuế
 - 2.4. Thuế suất
- 3. Đóng góp vào ngân sách
- 4. Tác động của thuế tài sản
- 5. Kết luận


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Tổng quan về thuế tài sản trên thực tế

- ❑ Thống kê từ Bộ Tài chính: 174/193 nước trên thế giới thực hiện thu thuế tài sản với nhiều tên gọi khác nhau.
- ❑ Vấn đề tên gọi “thuế tài sản”: cách gọi mập mờ. Các quốc gia không dùng tên này mà cụ thể hơn: Nhật Bản (thuế tài sản cố định), Philippines (thuế tài sản thực).
- ❑ Ngay cả “property tax” cũng có thể mang nghĩa rộng hơn nghĩa thường hiểu là thuế BĐS.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Các loại thuế chính liên quan đến tài sản

Tài sản	Các loại thuế đánh định kỳ				Các loại thuế đánh tại thời điểm chuyển nhượng		
	Thuế đất đai	Thuế bất động sản	Thuế tài sản	Thuế của cải ròng	Thuế chuyển nhượng, trao tặng, thừa kế	Thuế VAT	Thuế thặng dư vốn
Đất đai	30 nước VD: Úc, Israel,	51 nước với cả nhà và đất: Mexico, Ấn Độ,	65 nước: Nhật Bản (thuế tài sản cố định), Philippines (thuế tài sản thực)...	3 nước: Na Uy, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ	Rất nhiều nước. VD: Ý, Brazil, Đức..	VD: Nam Phi, Anh...	VD: Argentina, Úc, Áo, Canada...
Tòa nhà	Kenya, Việt Nam...	Indonesia	Philippines (thuế tài sản thực)...	(Pháp trước năm 2018)			
Động sản		Chỉ với nhà: Tanzania, Hungary, Brunei...					
Các loại tài sản phi hữu hình							


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Người nộp thuế

- Người nộp thuế có thể là chủ sở hữu hoặc người sử dụng hoặc cả hai.
- Về thể nhân và pháp nhân: hầu hết các nước đều đánh thuế vào thể nhân. Trong khi đó, pháp nhân có thể được miễn thuế: cơ quan chính quyền, cơ sở tôn giáo, trường học.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Đối tượng chịu thuế tài sản

Các loại thuế đánh định kỳ				
Tài sản	Thuế đất đai	Thuế bất động sản (đất và tài sản trên đất)	Thuế tài sản	Thuế của cải ròng
Tài sản cá nhân không kinh doanh	VD: Việt Nam, Estonia	VD: Anh	VD: Nhật, Philippines	VD: Tây Ban Nha, Na Uy
Tài sản kinh doanh	VD: Việt Nam, Estonia	VD: Úc	VD: Nhật, Philippines	VD: Na Uy

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




Phương pháp xác định giá tính thuế

Phương pháp xác định cơ sở thuế

Tài sản	Giá thị trường	Giá nhà nước	Diện tích	Khác
Đất đai	Úc, New Zealand, Đan Mạch...	Việt Nam	44 nước. VD: Hungary, Trung Quốc...	Ấn Độ, Colombia (tự định giá)
Tòa nhà	Nhật, Philippines		Hungary	
Động sản	Nhật			
Các loại tài sản phi hữu hình	Tây Ban Nha, Na Uy, Thụy Sĩ			

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Thuế suất

Loại thuế suất

	Thuế suất tỷ lệ (áp dụng cho giá tính thuế theo giá trị)	Thuế suất tuyệt đối (áp dụng cho giá tính thuế theo diện tích)
Quốc gia	Philippines, Indonesia (lũy tiến), Nhật Bản (không lũy tiến)	44 nước gồm: Hungary, Trung Quốc... cùng với Anh

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

10
VEPR SINCE 1999

Đóng góp vào ngân sách

Đóng góp trung bình của thuế bất động sản (%GDP) tại các nhóm nước, 1970s-2000s

	1970s	1980s	1990s	2000s
Các nước OECD	1,24	1,31	1,44	2,12
Các nước đang phát triển	0,42	0,36	0,42	0,60
Các nền kinh tế chuyển đổi	0,34	0,59	0,54	0,68
Tất cả các quốc gia	0,77	0,73	0,75	1,04

Nguồn: Bahl và Martinez-Vazquez (2008).

- Đóng góp vào ngân sách của thuế BĐS không đáng kể theo phương diện quốc gia tại các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi, chỉ bằng ¼ so với OECD.
- ☐ Phân bổ nguồn thu từ thuế BĐS theo các cấp cũng không giống nhau giữa các nước: phần lớn phân bổ cho địa phương, nhưng cũng có những nước thuộc hoàn toàn về Trung ương.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

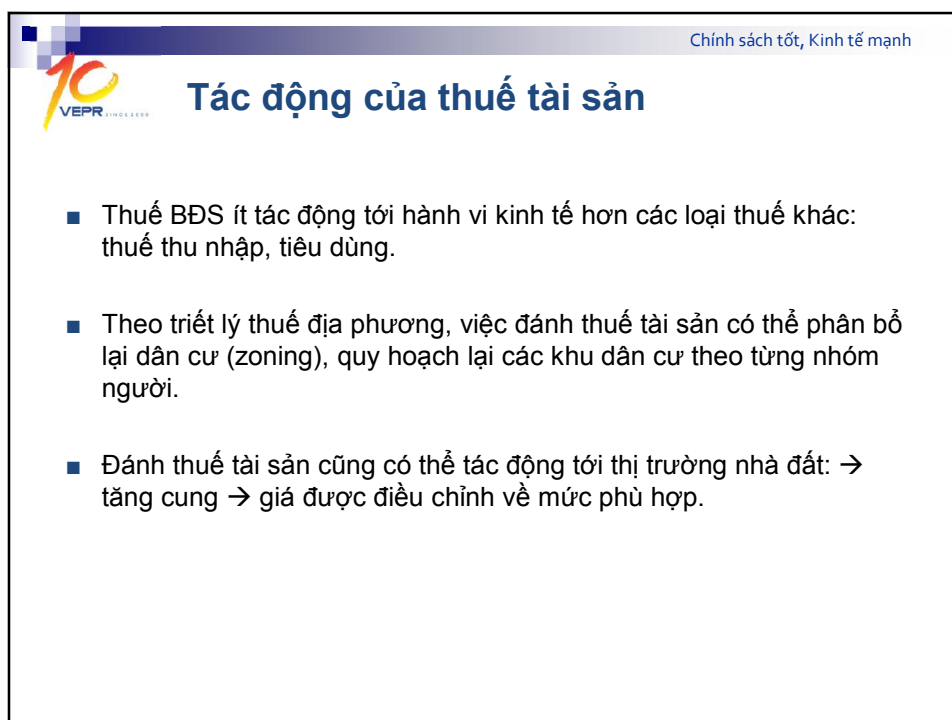
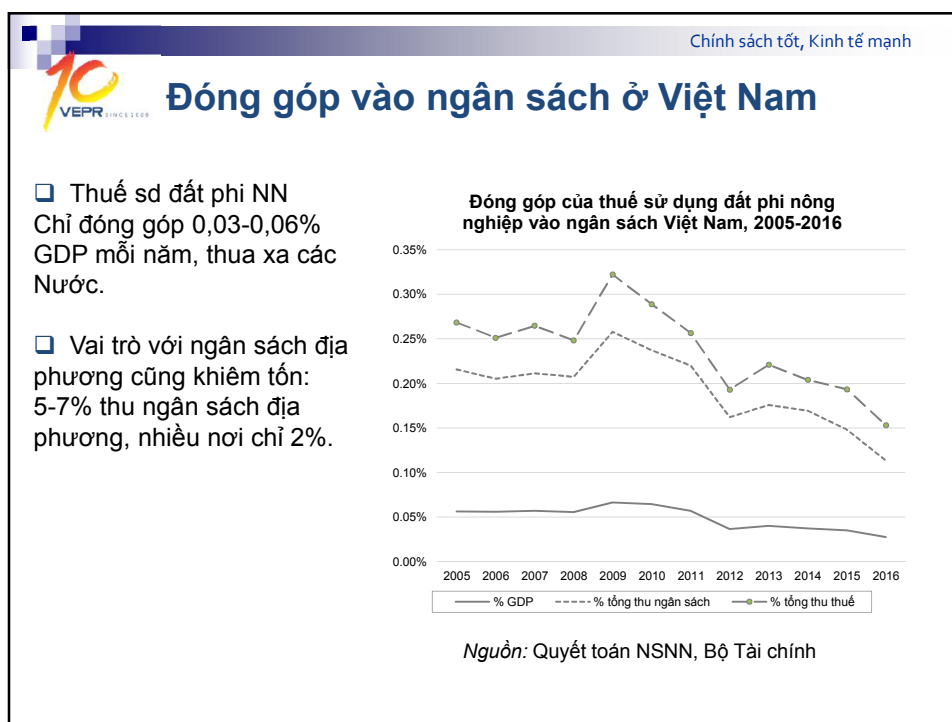
10
VEPR SINCE 1999

Đóng góp vào ngân sách

- Tuy nhiên, thuế tài sản, đặc biệt là thuế bất động sản thường là nguồn thu ngân sách quan trọng ở cấp địa phương.
- VD: thuế BĐS chiếm 80% thu ngân sách địa phương tại Thái Lan
36% tại Chile, 40% tại Ba Lan...
- Xét trên tổng chi NS của địa phương, vai trò của thuế BĐS cũng rất khác biệt. chiếm 50% nguồn cho chi tiêu địa phương ở Úc. 1/4 tại Pháp, Tây Ban Nha. Chỉ 15% ở Anh dù là nguồn thu thuế duy nhất cho ngân sách địa phương.

Quốc gia	Phần trăm đóng góp
Úc	50%
Anh	15%
Nhật	15%
Pháp	25%
Tây Ban Nha	25%
Thụy Sĩ	10%


Nguồn: OECD (2018)





Kết luận


- Số nước đánh thuế tài sản, đặc biệt là thuế bất động sản, tương đối nhiều. Tên gọi “thuế tài sản” còn tương đối mập mờ.
- Dù các nước có nhiều cách đánh thuế bất động sản khác nhau nhưng nhìn chung đóng góp cho ngân sách của các thuế bất động sản vào ngân sách của các nước là tương đối hạn chế. Tuy nhiên, thuế bất động sản lại là nguồn thu ngân sách chủ yếu của chính quyền địa phương nhiều quốc gia.
- Việt Nam chưa có Luật thuế tài sản. Đóng góp của thuế sd đất phi NN vào ngân sách còn rất khiêm tốn cả phương diện quốc gia và địa phương.
- Ngoài chức năng là nguồn thu ngân sách địa phương, thuế BĐS còn có thể tác động tới hành vi kinh tế của các đối tượng khác nhau: phân bổ lại dân cư, giảm đầu cơ trên thị trường bất động sản.



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Dự báo ảnh hưởng của Luật thuế tài sản lên phúc lợi hộ gia đình

TS. Nguyễn Việt Cường
Phan Đăng Duy Anh




Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Nội dung chính

- Mục tiêu nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu
- Số liệu
- Kết quả phân tích
- Kết luận


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Mục tiêu nghiên cứu

- Ước tính tỷ lệ hộ gia đình chịu thuế tài sản
- Dự báo tác động của thuế tài sản lên thu nhập khả dụng và chi tiêu thực tế của hộ.
- Dự báo tác động của thuế tài sản lên nghèo đói.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Phương pháp nghiên cứu

- Thuế tài sản làm giảm thu nhập khả dụng của hộ gia đình, ít nhất trong ngắn hạn.
- Thu nhập giảm sẽ làm mức chi tiêu thực tế giảm. Mức độ giảm chi tiêu phụ thuộc vào độ co giãn của cầu theo thu nhập.
- Mức chi tiêu giảm sẽ làm tăng khả năng rơi vào nghèo đói.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Phương pháp nghiên cứu

- Giả định:
 - Thuế tài sản được xem là cú sốc làm giảm thu nhập và tiêu dùng của hộ gia đình
 - Phân tích tĩnh:
 - Không có sự thay đổi chi ngân sách nhà nước.
 - Giá cả không thay đổi.
- Nghiên cứu này chỉ dự báo tác động, chứ không đo lường tác động nhân quả vì việc thuế tài sản chưa được thực hiện.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Số liệu

- Khảo sát Mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2016 do Tổng cục Thống kê điều tra.
- Mẫu 9.399 hộ gia đình đại diện cho cả nước, nông thôn/thành thị, và 6 vùng địa lý.
- Thu thập thông tin về chi tiêu, thu nhập, và các đặc điểm của hộ gia đình và cá nhân trong hộ.


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Dự thảo thuế tài sản

- Theo dự thảo luật Thuế tài sản có 3 đối tượng bị chịu thuế đó là:
 - (1) Đất phi nông nghiệp
 - (2) Nhà ở
 - (3) Tàu bay, ô tô có giá trị từ 1.5 tỷ đồng
- Người nộp thuế: là người có quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản. Nếu cho thuê TS, người nộp thuế là người cho thuê (hoặc có thể thỏa thuận với nhau)


Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Dự thảo thuế tài sản

- Căn cứ tính thuế: Giá tính thuế và thuế suất
 - (1) Đối với đất:
 - Diện tích đất tính thuế: được ghi trên Giấy chứng nhận sử dụng đất.
 - Giá 1m² đất tính thuế là giá đất tại Bảng giá đất do UBND tỉnh công bố
 - Thuế suất: 0.4% đối với đất ở; 0.3% đối với đất phi nông nghiệp khác (trong đó thuế suất 0.52% với đất xây dựng nhà hàng)

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh




Dự thảo thuế tài sản

- Căn cứ tính thuế: Giá tính thuế và thuế suất

(2) Đối với nhà

- Diện tích nhà tính thuế: toàn bộ diện tích nhà sử dụng theo QĐ của pháp luật
- Giá 1m² nhà tính thuế : giá 1 m² nhà xây mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà
- Thuế suất: 0% với phần giá nhà tính thuế từ 700 triệu đồng trở xuống; 0.4% với phần giá nhà tính thuế trên 700 triệu đồng.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Dự thảo thuế tài sản

- Căn cứ tính thuế: Giá tính thuế và thuế suất

(3) Đối với tàu bay, du thuyền, ô tô có giá trị trên 1.5 tỷ đồng

- Giá tính thuế: Giá trị tài sản nhân với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại
- Thuế suất: thuế suất 0.4%

(4) Miễn thuế: Người nộp thuế phải nộp hàng năm từ 50.000 đồng trở xuống.

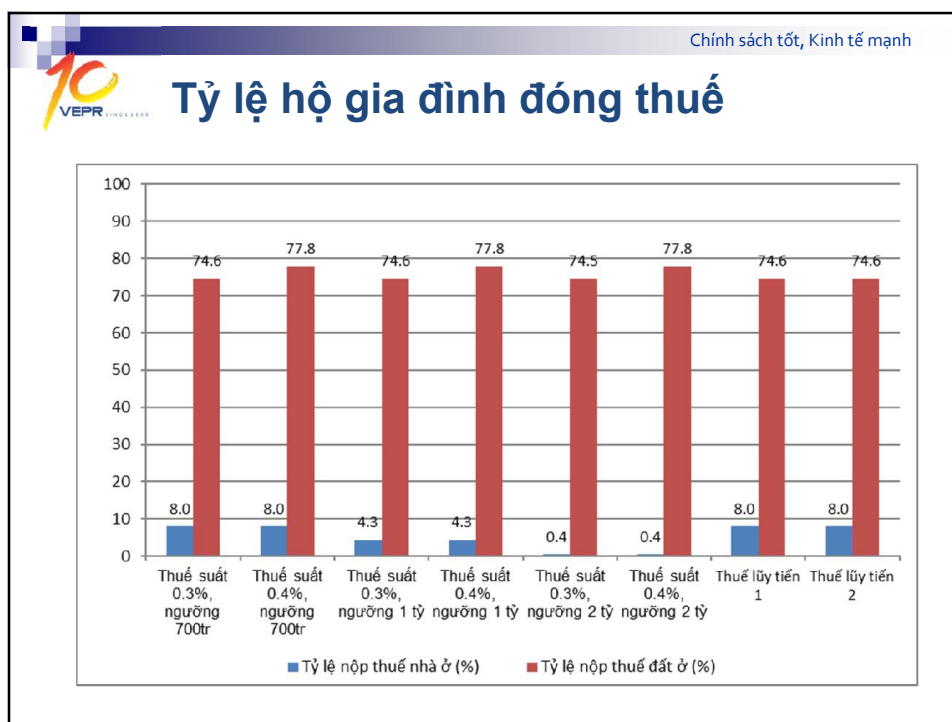
- Vùng khó khăn được giảm 50% tiền thuế phải nộp.

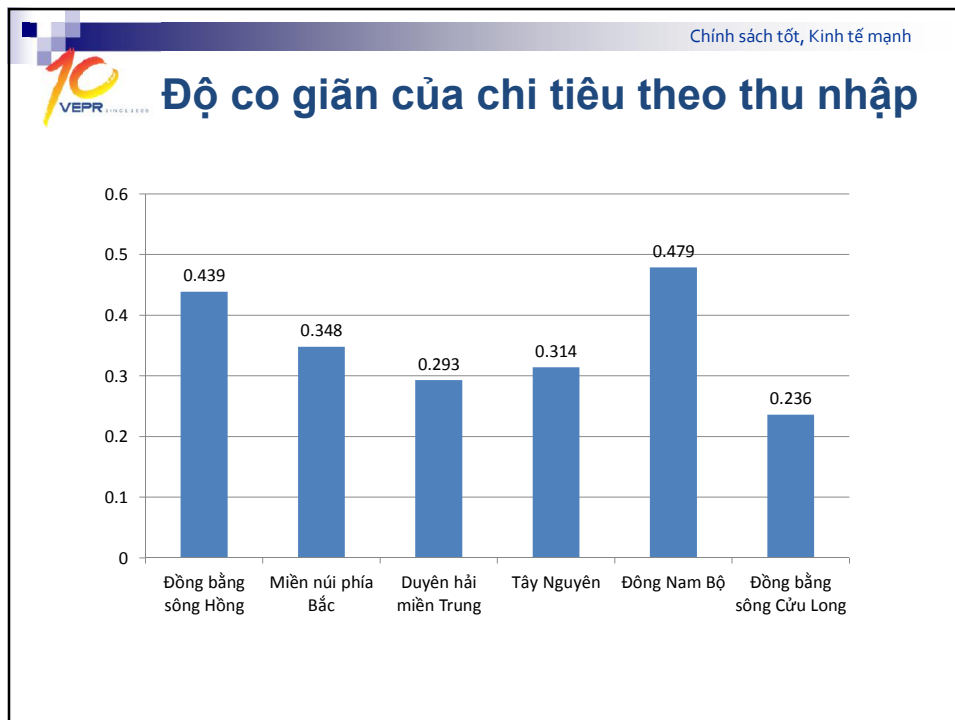
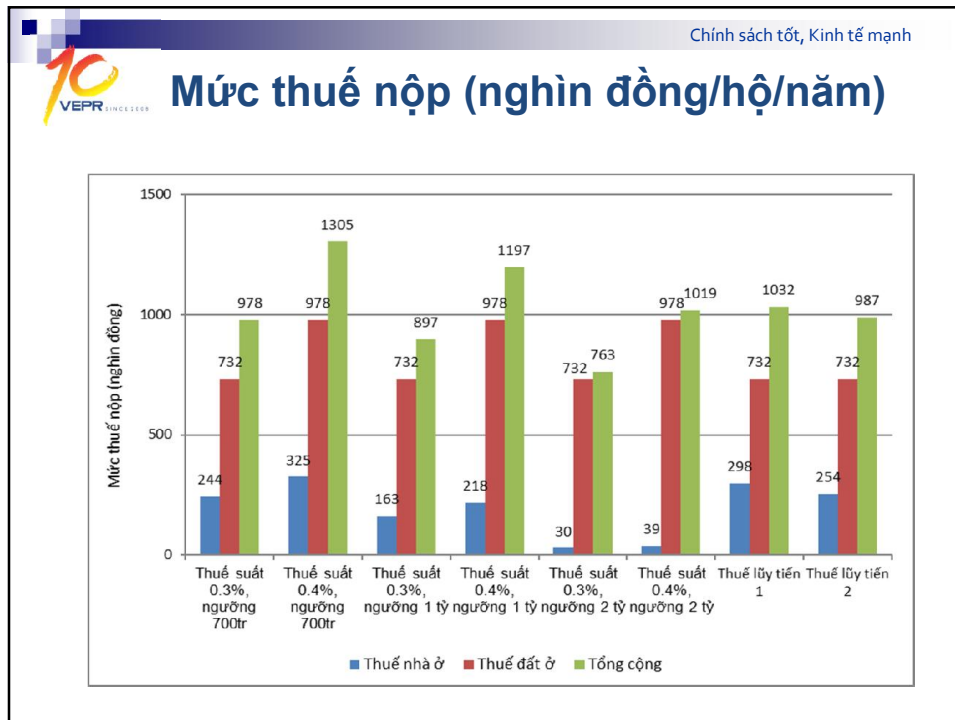
Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

10
VEPR SINCE 1998


Các kịch bản nghiên cứu

Các kịch bản	Thuế suất đối với ô tô, du thuyền, tàu bay (%)	Thuế suất đối với đất ở (%)	Thuế suất đối với nhà ở (%)			
			0-700 triệu	Từ 700 đến 1000 triệu	Từ 1000 đến 2000 triệu	Trên 2000 triệu
1	0.4	0.3	0	0.3	0.3	0.3
2	0.4	0.4	0	0.4	0.4	0.4
3	0.4	0.3	0	0	0.3	0.3
4	0.4	0.4	0	0	0.4	0.4
5	0.4	0.3	0	0	0	0.3
6	0.4	0.4	0	0	0	0.4
7	0.4	0.3	0	0.3	0.4	0.4
8	0.4	0.3	0	0.3	0.3	0.4






Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Dự báo ảnh hưởng thuế tài sản

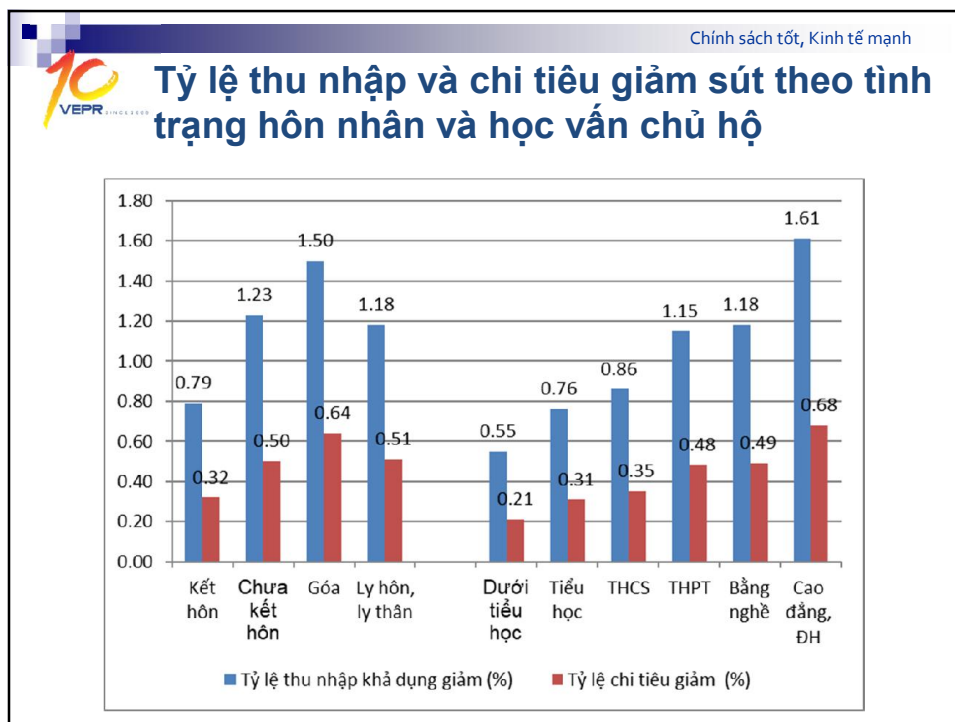
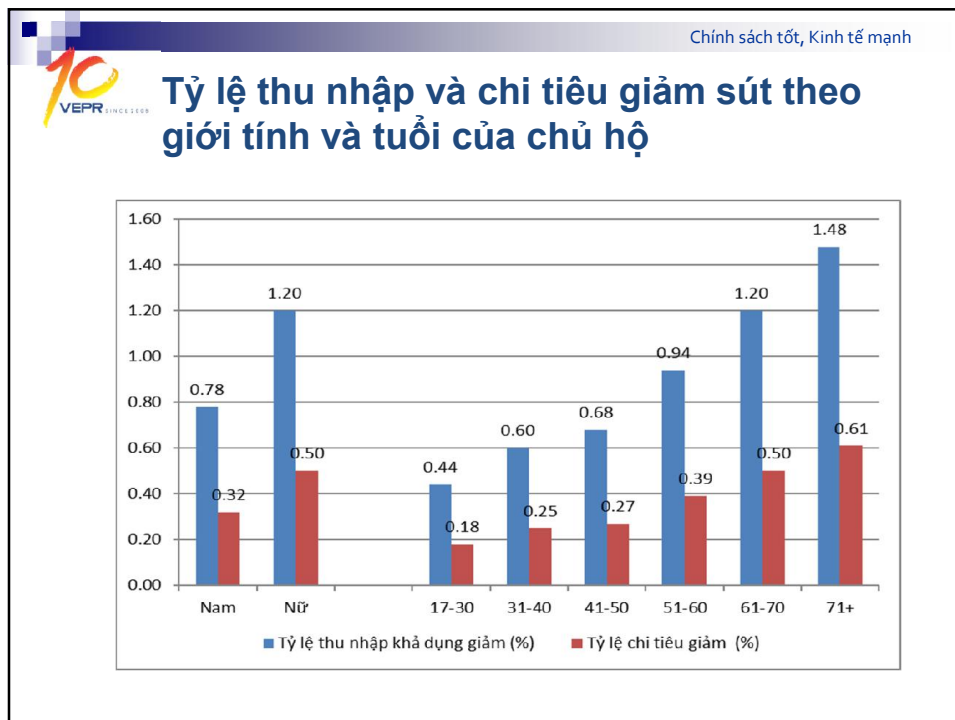
Các kịch bản thuế tài sản	Mức thuế phải nộp (nghìn đồng/hộ)	Mức chi tiêu giảm đi (nghìn đồng/hộ)	Tỷ lệ mức thuế nộp trên tổng thu nhập (%)	Tỷ lệ chi tiêu giảm sút trên tổng chi tiêu (%)
Thuế suất 0.3%, ngưỡng 700tr	978	638	0,66	0,27
Thuế suất 0.4%, ngưỡng 700tr	1305	851	0,89	0,36
Thuế suất 0.3%, ngưỡng 1 tỷ	897	600	0,61	0,25
Thuế suất 0.4%, ngưỡng 1 tỷ	1198	800	0,82	0,34
Thuế suất 0.3%, ngưỡng 2 tỷ	763	525	0,53	0,22
Thuế suất 0.4%, ngưỡng 2 tỷ	1019	700	0,72	0,29
Thuế lũy tiến 1	1032	670	0,69	0,28
Thuế lũy tiến 2	988	645	0,67	0,27

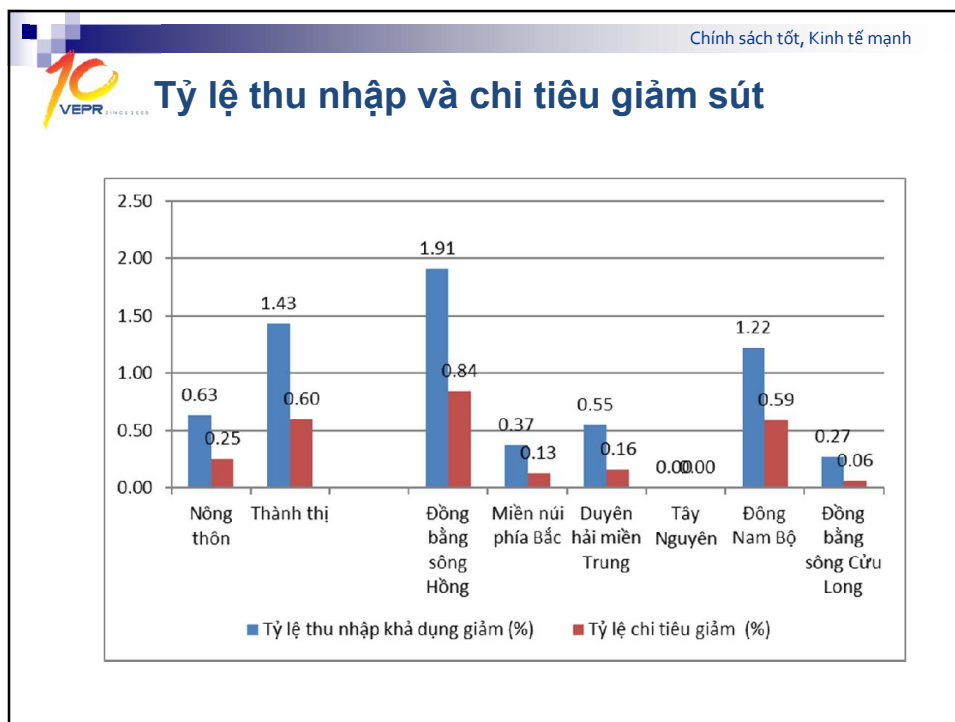
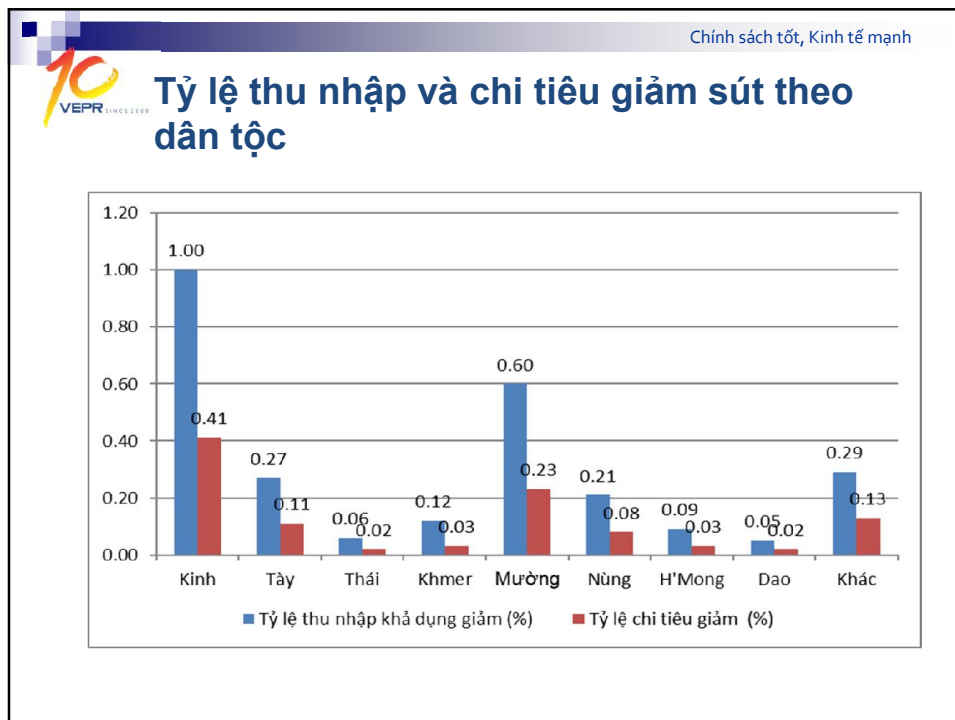
Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

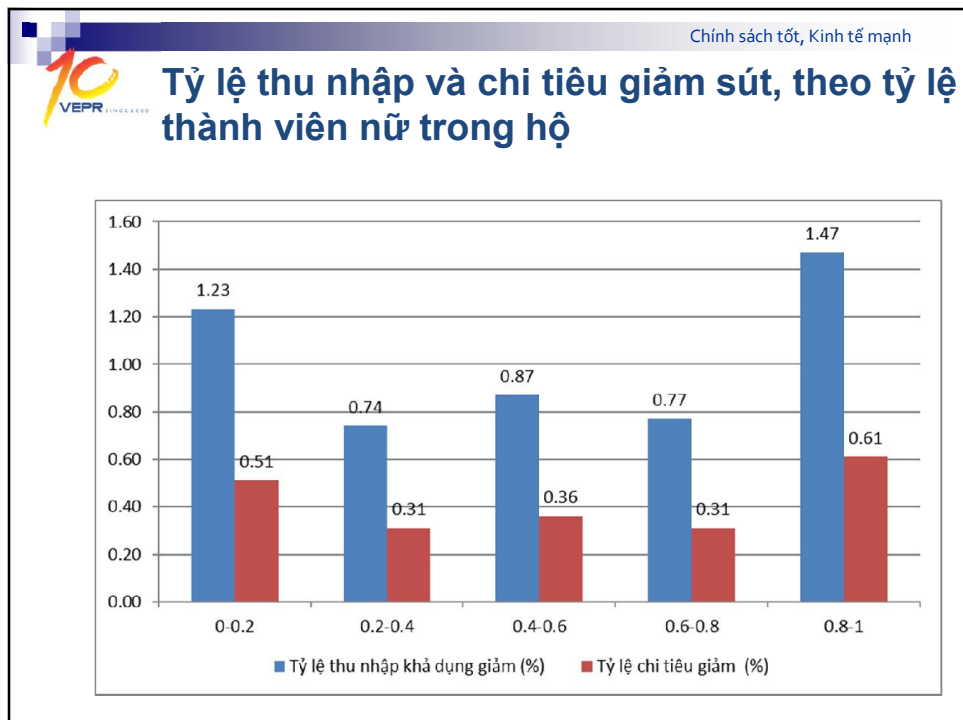
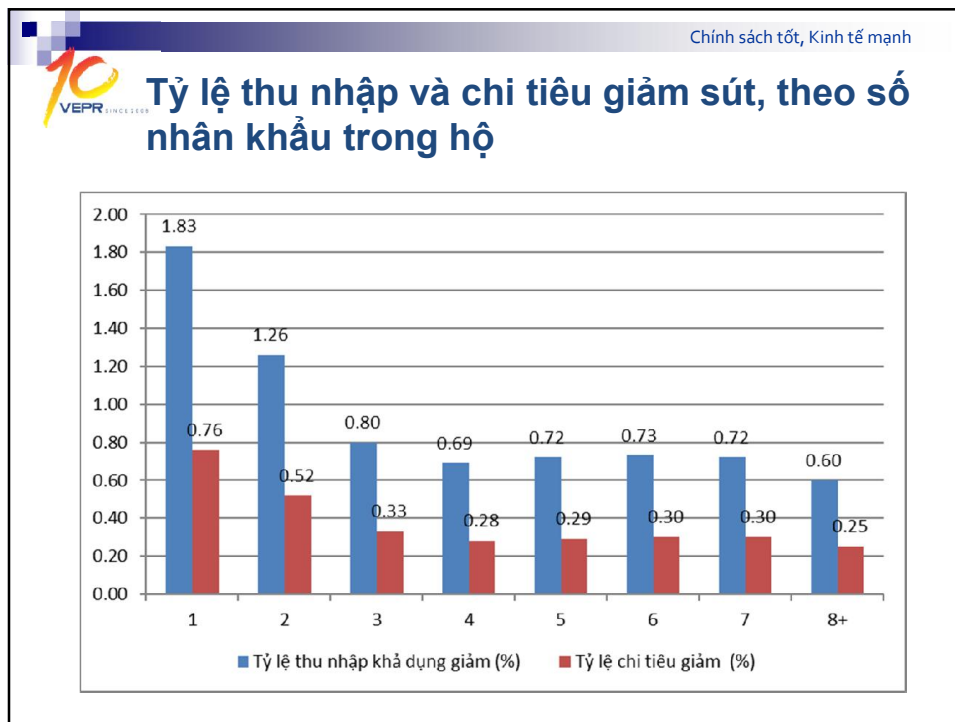


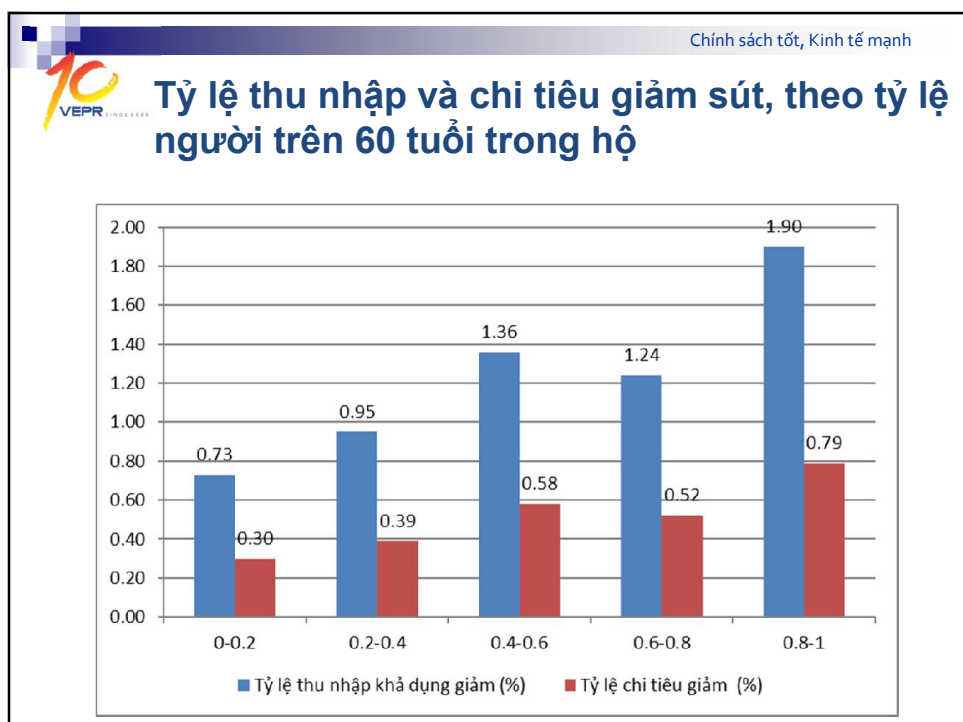
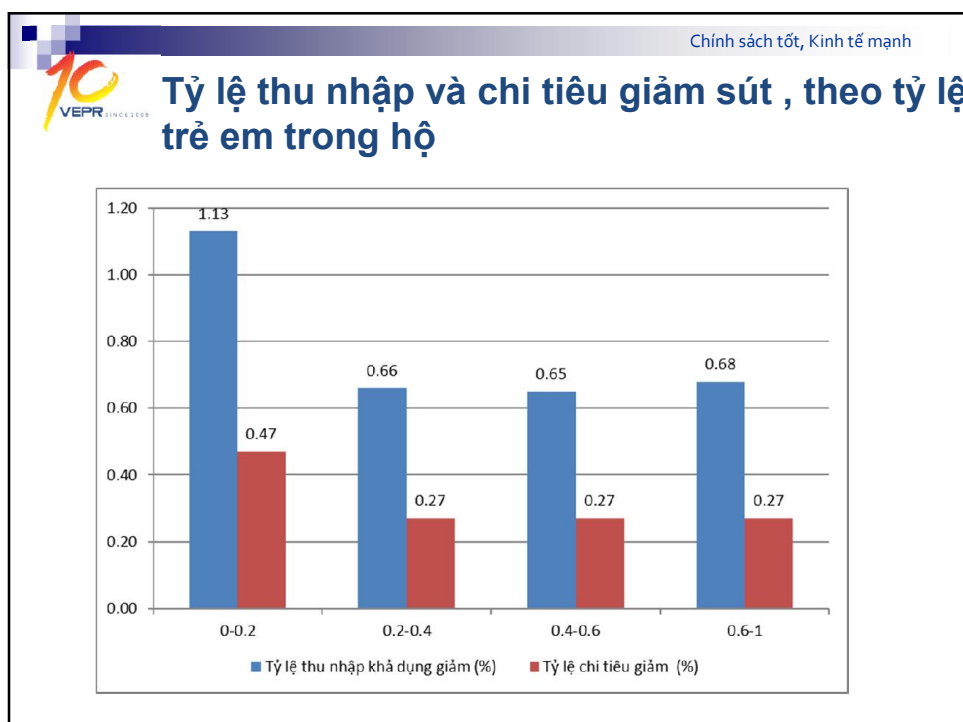
Dự báo ảnh hưởng thuế tài sản lên nghèo và phân phối chi tiêu

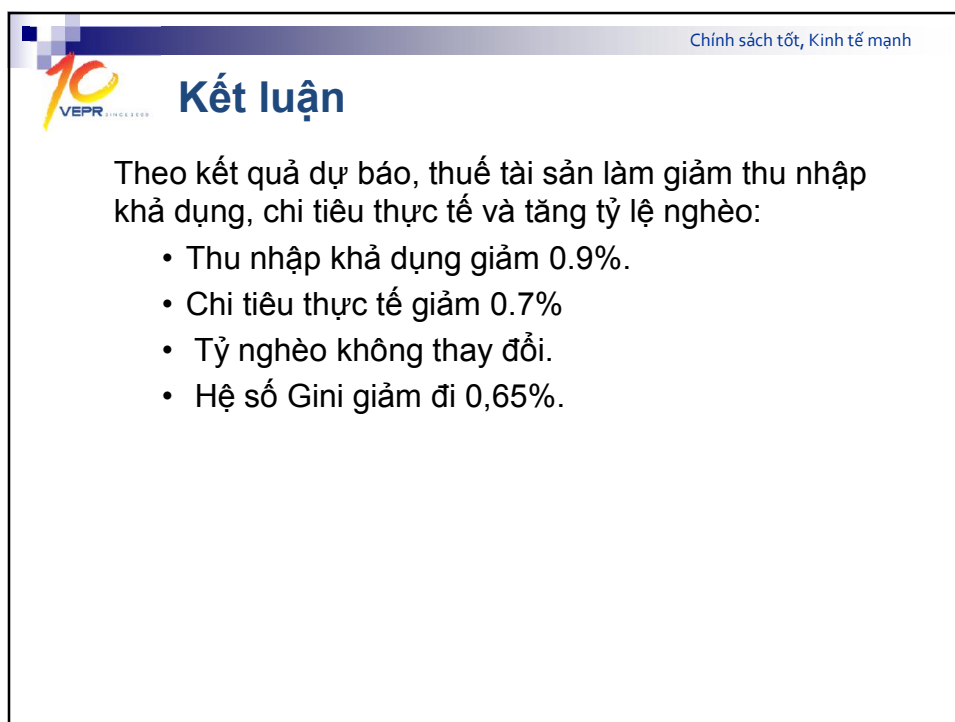
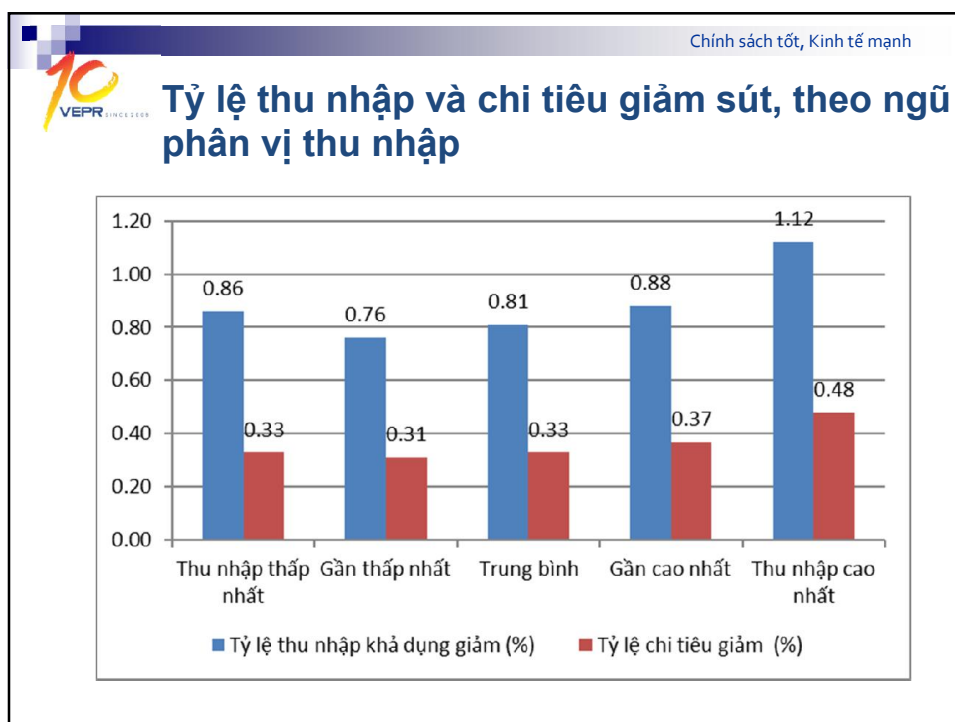
Các kịch bản thuế tài sản	Tỷ lệ nghèo trước thuế (%)	Tỷ lệ nghèo sau thuế (%)	Tỷ lệ nghèo tăng lên (điểm %)	Hệ số Gini trước thuế	Hệ số Gini sau thuế	Thay đổi Gini (%)
1. Thuế suất 0.3%, ngưỡng 700tr	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3787	-0,49
2. Thuế suất 0.4%, ngưỡng 700tr	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3781	-0,65
3. Thuế suất 0.3%, ngưỡng 1 tỷ	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3788	-0,47
4. Thuế suất 0.4%, ngưỡng 1 tỷ	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3782	-0,63
5. Thuế suất 0.3%, ngưỡng 2 tỷ	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3790	-0,42
6. Thuế suất 0.4%, ngưỡng 2 tỷ	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3784	-0,56
7. Thuế lũy tiến 1	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3786	-0,51
8. Thuế lũy tiến 2	10,059	10,059	0,000	0,3806	0,3787	-0,49













Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Kết luận


- Các hộ gia đình có chủ hộ là nữ, chủ hộ nhiều tuổi, chủ hộ học vấn cao bị ảnh hưởng nhiều hơn các hộ có chủ hộ là nam giới, trẻ tuổi và học vấn thấp.
- Các hộ gia đình có nhiều người cao tuổi bị ảnh hưởng nhiều hơn.
- Các nhóm dân tộc Kinh, Tày, Mường chịu nhiều ảnh hưởng hơn các nhóm dân tộc khác.
- Tác động lên khu vực thành thị và các vùng đồng bằng cao hơn lên khu vực nông thôn và miền núi.

Chính sách tốt, Kinh tế mạnh



Kết luận


- Kết quả phân tích các phương án thuế khác nhau cho thấy với phương án thuế với thuế suất 0.3% và ngưỡng chịu thuế là 2 tỷ đồng đối với nhà ở là có tác động nhỏ nhất đối với hộ gia.
- Phương án thuế suất 0.4% và ngưỡng chịu thuế là 1 tỷ đồng đối với nhà ở là có tác động nhỏ hơn đến các hộ gia đình những vẫn duy trì được doanh thu thuế cao.



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Những nhận xét kết luận và thảo luận chính sách

PGS.TS. Nguyễn Đức Thành
Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)
Trường Đại học Kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội



Chính sách tốt, Kinh tế mạnh

Một số nhận xét kết luận

- Có hai dòng triết lý về việc đánh thuế tài sản: Chủ nghĩa Can thiệp với chủ trương đánh thuế tài sản, và chủ nghĩa tự do cá nhân với chủ trương bãi bỏ thuế tài sản. Trong đó, dòng triết lý chủ nghĩa Can thiệp bao gồm chủ nghĩa Georgian, chủ nghĩa công bằng về cơ hội và thuế địa phương. Chủ nghĩa tự do cho rằng thuế TS có thể làm giảm tích lũy và do đó là sự thịnh vượng trong dài hạn.
- Thuế tài sản, đặc biệt là thuế bất động sản, tuy không phải nguồn quan trọng đối với ngân sách quốc gia, nhưng là nguồn thu quan trọng ở địa phương tại hầu hết các nước. Nguồn thu này giúp cải thiện chi tiêu công tại địa phương. Do đó, có thể thấy hầu hết các nước đánh theo triết lý thuế địa phương.
- Đóng góp của thuế sử dụng đất phi NN tại Việt Nam còn khiêm tốn so với thuế BĐS tại các nước.



Một số nhận xét kết luận (2)

- Thuế tài sản nếu được ban hành như dự thảo hiện nay sẽ làm giảm thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình. Tuy nhiên, nó không ảnh hưởng tới đối nghèo và chủ yếu làm giảm thu nhập của người giàu. Do đó, chỉ số bất bình đẳng được cải thiện nhưng chủ yếu do người giàu bị nghèo đi chứ không phải do người nghèo được cải thiện. Vì vậy, đây không phải một sắc thuế bền vững, nếu chi tiêu công không thúc đẩy phúc lợi và năng suất toàn xã hội.



Thảo luận chính sách

- Không có thuế tài sản chung chung, mà cần cụ thể hóa thành một loại thuế nào đó, có bản chất liên quan đến tài sản. Ở Việt Nam đã có một số loại thuế như vậy.
- Việc thiết kế các luật thuế liên quan đến tài sản cần phải được xác định mục đích rõ ràng.
- Theo kinh nghiệm quốc tế, thuế BĐS là loại thuế địa phương và chính quyền địa phương có quyền hạn nhất định trong việc đặt ra thuế suất. Việc áp dụng luật thuế đại trà như trong dự thảo là đi ngược lại với thông lệ quốc tế, khó thực hiện.
- Thuế BĐS không nhằm phân phối lại thu nhập mà là phân định lại khu dân cư (zoning). Nếu ngân sách địa phương không minh bạch và nguồn thu từ thuế BĐS không được dùng để cải thiện cơ sở hạ tầng và an ninh địa phương thì sẽ gây bất bình trong công luận.



Thảo luận chính sách (2)

- Một số sản phẩm lâu bền được coi là “tài sản” cần lưu ý tránh áp thuế TS để tránh bị trùng, hoặc có thể sử dụng các loại thuế khác tiện lợi hơn như thuế trước bạ hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của ngân sách ở mọi cấp là điều cần thiết. Đặc biệt muốn cải thiện thu (được sự đồng thuận của người dân), phải nâng tính giải trình trong các khoản chi ngân sách.
- Việc cải thiện ngân sách cần bắt nguồn từ tiết kiệm chi, chứ không phải việc tăng cường thu.



Xin chân thành cảm ơn! Q&A!

LIÊN LẠC:

PGS.TS. Nguyễn Đức Thành

Email: nguyen.ducthanh@vepr.org.vn

Vietnam Institute for Economic and Policy Research (VEPR),
University of Economics and Business - Vietnam National University,
Hanoi.

R.707, Building E4, 144, Xuân Thủy Street, Cầu Giấy District, Hanoi.

Email: info@vepr.org.vn

Tel: 024.37547506 ext 714/ 0975608677

Fax: 024.37549921



☐ CÁC NGHIÊN CỨU KHÁC

Ứng dụng Bigdata trong phân tích và dự báo kinh tế

Đánh giá tác động của việc tăng thuế VAT lên tổng thể nền kinh tế và phúc lợi hộ gia đình

Báo cáo Công bằng thuế Việt Nam 2017

Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2018: Hiệu thị trường lao động để tăng năng suất

Báo cáo Đánh giá vai trò của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) đối với ngành lúa gạo và đề xuất biện pháp cải tổ hiệp hội

Báo cáo Chỉ số Công khai Ngân sách tỉnh 2017

Báo cáo Tăng trưởng tiền lương và năng suất lao động ở Việt Nam

Báo cáo Thường niên Kinh tế Việt Nam 2017: Đẩy nhanh cải cách vì một nhà nước kiến tạo

LIÊN HỆ

Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 707, nhà E4
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3 754 7506 - 704/714

Fax: (84-24) 3 754 9921

Email: info@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

Bản quyền © VEPR 2009 - 2018